

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU KHÁM CHỮA BỆNH TỬ XA CỦA NGƯỜI BỆNH MẮC BỆNH LÝ MẠN TÍNH KHU VỰC MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Nguyễn Đắc Quỳnh Anh✉

Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

Con người đang phải đối mặt với gánh nặng bệnh tật kép. Ứng dụng hình thức khám chữa bệnh từ xa để theo dõi sức khỏe cho người bệnh mắc bệnh mạn tính là điều kiện then chốt, đảm bảo kết nối giữa cán bộ y tế và người bệnh. Nghiên cứu được thực hiện nhằm (1) Mô tả thực trạng và nhu cầu khám chữa bệnh từ xa của người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính khu vực miền Trung, Việt Nam; (2) Mô tả số yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của đối tượng nghiên cứu. Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 470 người bệnh mắc bệnh lý mạn tính, điều trị tại Trung tâm y tế thành phố Huế, Trung tâm y tế quận Sơn Trà, Đà Nẵng từ tháng 01 đến tháng 06/2022. Hai nhóm bệnh lý mạn tính phổ biến nhất được ghi nhận là: tim mạch (75,3%) và đái tháo đường (60,6%). Có 26,6% người bệnh đã từng nghe, 5,7% hiện đang sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa và 47,7% mong muốn được sử dụng dịch vụ này cho quá trình chăm sóc sức khỏe của họ. Hình thức được nhiều người mong muốn tiếp cận nhất là tư vấn sức khỏe cá nhân qua điện thoại (82%). Nhóm người bệnh có trình độ học vấn trên THPT, thời gian mắc bệnh dưới 3 năm, đã hiểu biết về khám chữa bệnh từ xa và có khả năng tiếp cận công nghệ thông tin có nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa cao hơn. Đối tượng tham gia nghiên cứu chưa sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa thường xuyên, nhưng nhu cầu tương đối lớn.

Từ khóa: Nhu cầu, khám chữa bệnh từ xa, bệnh mạn tính.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh mạn tính là nhóm bệnh lý không phát sinh từ quá trình lây nhiễm cấp tính, có thời gian mắc bệnh kéo dài, cần được quản lý liên tục và chăm sóc thường xuyên. Bốn loại bệnh mạn tính phổ biến được ghi nhận hiện nay bao gồm: bệnh tim mạch; ung thư; bệnh hô hấp mạn tính (phổi tắc nghẽn mạn tính, hen suyễn); và đái tháo đường.^{1,2} Đáng chú ý, tỷ lệ mắc mới và hiện mắc của nhóm bệnh lý mạn tính đang gia tăng trên toàn cầu, đặc biệt là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.³ Theo thống kê năm 2019, bệnh mạn tính đang là nguyên nhân tử vong hàng đầu tại Việt Nam. Ước tính có 592.000 ca

tử vong/năm, chiếm 81,4% tổng số tử vong do mọi nguyên nhân. Gánh nặng của nhóm bệnh mạn tính đang chiếm tới 73,7% tổng gánh nặng bệnh tật và tử vong toàn quốc (tính bằng DALY), trong đó bệnh tim mạch chiếm 20,5%, ung thư 13,3%, bệnh hô hấp mạn tính 4% và đái tháo đường chiếm 3,9% tổng gánh nặng bệnh tật.⁴

Đại dịch COVID-19 đã tạo ra những thách thức không nhỏ cho hoạt động chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, cản trở sự tiếp cận của người dân với các dịch vụ y tế.⁵ Việt Nam đang phải đối mặt với gánh nặng bệnh tật kép, trong khi dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp thì gánh nặng bệnh tật và tử vong do bệnh mạn tính vẫn tiếp tục gia tăng nhanh chóng.⁶ Để luôn đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc liên tục, điều trị thường xuyên của người bệnh mắc bệnh mạn tính, việc ứng dụng các phương

Tác giả liên hệ: Nguyễn Đắc Quỳnh Anh

Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

Email: nguyendquynhanh@dtu.edu.vn

Ngày nhận: 14/09/2022

Ngày được chấp nhận: 15/12/2022

triển điện tử, công nghệ thông tin, đặc biệt là hình thức khám chữa bệnh từ xa là vô cùng cần thiết.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, khám chữa bệnh từ xa (Telemedicine) được định nghĩa là việc sử dụng rộng rãi các dịch vụ lâm sàng và phi lâm sàng từ xa, trong đó, người bệnh và chuyên gia y tế được kết nối với nhau thông qua sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại, phương tiện truyền thông để trao đổi thông tin, nhằm chẩn đoán, đánh giá, điều trị, theo dõi và chăm sóc sức khỏe liên tục.^{3,7}

Tại Việt Nam, y tế từ xa được định nghĩa là việc trao đổi thông tin có liên quan đến sức khỏe của cá nhân giữa người làm chuyên môn y tế với cá nhân đó hoặc giữa những người làm chuyên môn y tế với nhau ở các địa điểm cách xa nhau thông qua các phương tiện công nghệ thông tin và viễn thông.⁸

Năm 2020, Việt Nam đã đưa vào hoạt động hơn 1000 cơ sở y tế khám chữa bệnh từ xa tại 63 tỉnh thành và mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Nghiên cứu năm 2021 cho thấy, 21,6% người bệnh mắc các bệnh lý tim mạch đã từng nghe về dịch vụ khám chữa bệnh từ xa và 6,3% hiện đang sử dụng. Đặc biệt, có 47,6% người dân có nhu cầu sử dụng dịch vụ này.⁵ Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện nhằm mô tả thực trạng, nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của nhóm người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính khu vực miền Trung, Việt Nam và mô tả một số yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ của đối tượng nghiên cứu.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Tiêu chuẩn lựa chọn

Người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính, đang điều trị ngoại trú.

Tiêu chuẩn loại trừ

Người bệnh mắc các rối loạn về nhận thức,

khuyết về khả năng nghe, nói.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, phương pháp định lượng.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành tại Trung tâm y tế thành phố Huế và Trung tâm y tế quận Sơn Trà, Đà Nẵng từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu: Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng 1 tỷ lệ

$$n = c \times Z_{\alpha/2}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

Hệ số thiết kế $c = 2$, tỷ lệ ước đoán $p = 0,416$, $d = 0,05$ và độ tin cậy 95%.⁵

Dự trừ 10% sai số, cỡ mẫu tính được theo công thức là 418.

Trên thực tế, cỡ mẫu thu được là 470.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu toàn bộ.

Công cụ thu thập số liệu

Bộ câu hỏi phỏng vấn trực tiếp dựa trên thang đo Likert 5 mức và định nghĩa về nhóm bệnh mạn tính, khái niệm hoạt động khám chữa bệnh từ xa của Tổ chức y tế thế giới.³

Chỉ số, biến số nghiên cứu

- Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới tính, trình độ học vấn, điều kiện kinh tế, khả năng tạo ra thu nhập, bảo hiểm y tế, tình trạng sống một mình.

- Tiền sử bệnh lý mạn tính: bệnh lý mắc phải, thời gian mắc bệnh.

- Thực trạng tiếp cận và nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa: chủ đề tư vấn, nguồn thông tin, lợi ích và cản trở của việc sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa, nhu cầu sử dụng dịch vụ trong tương lai.

Quy trình nghiên cứu:

- Bộ công cụ được thử nghiệm trên nhóm nhỏ bao gồm: 20 bệnh nhân tại trung tâm y tế thành phố Huế và 20 bệnh nhân tại Trung tâm y tế Quận Sơn Trà, Đà Nẵng để kiểm định tính phù hợp và tin cậy. Hệ số Cronbach's Alpha tính được đạt giá trị 0,71. Thang đo lường sử dụng tốt với quần thể nghiên cứu.

- Phỏng vấn trực tiếp toàn bộ đối tượng đủ tiêu chuẩn lựa chọn trong thời gian nghiên cứu và ghi nhận kết quả. Tiến hành kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của phiếu phỏng vấn ngay sau mỗi buổi thu thập thông tin.

Xử lý và phân tích số liệu

- Số liệu được nhập bằng Epi data và xử lý bằng SPSS 20.0.

- Các giá trị định tính được trình bày dưới dạng tần suất và tỷ lệ. Biến định lượng dưới dạng trung bình, độ lệch chuẩn. Mô hình hồi quy đa biến logistic được sử dụng để phân tích các mối liên quan, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi giá trị $p < 0,05$.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng đạo đức của Đại học Duy Tân theo Quyết định số DTU-IRB 20220012, ngày 15/01/2022. Người tham gia nghiên cứu được giải thích đầy đủ về mục tiêu, phương pháp nghiên cứu và hoàn toàn tự nguyện tham gia. Mọi thông tin được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích khoa học. Kết quả được trình bày dưới dạng tổng hợp, tần số và tỉ lệ.

III. KẾT QUẢ**1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu**

Nghiên cứu được tiến hành trên 470 người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính đang được điều trị ngoại trú tại hai đơn vị y tế cơ sở: Độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $54,7 \pm 2,64$ với 49,6% người từ 60 tuổi trở lên.

Nhóm bệnh lý mạn tính có tỉ lệ hiện mắc cao nhất trong nghiên cứu của chúng tôi là tim mạch (75,3%) và đái tháo đường (60,6%). Đa phần người bệnh đã mắc bệnh từ 3 năm trở lên (67,7%), và đáng chú ý, có 27,1% người tham gia nghiên cứu hiện đang mắc ít nhất hai bệnh lý mạn tính.

Bảng 1. Phân bố bệnh lý mạn tính trên đối tượng nghiên cứu (n = 470)

	Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Bệnh lý mạn tính	Tim mạch	401	75,3%
	Ung thư	54	11,5%
	Hô hấp mạn tính	273	58,1%
	Đái tháo đường	379	60,6%
Thời gian mắc bệnh	< 3 năm	152	32,3%
	≥ 3 năm	318	67,7%

2. Thực trạng và nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa

Tiến hành đánh giá thực trạng sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa, chúng tôi nhận thấy có 26,6% người tham gia đã từng nghe và

5,7% đang sử dụng dịch vụ này. Đa phần người bệnh tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa thông qua tư vấn trực tiếp từ nhân viên y tế mỗi lần thăm khám (81,2%).

Bảng 1. Phân bố bệnh lý mạn tính trên đối tượng nghiên cứu (n = 470)

Nội dung		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Các nội dung tư vấn trong mô hình chăm sóc sức khỏe từ xa	Xử trí các tình huống cấp cứu	341	72,5%
	Hướng dẫn theo dõi sức khỏe liên tục	295	62,7%
	Phương pháp điều trị tại nhà (thuốc, chế độ ăn, sinh hoạt)	241	51,2%
Lợi ích của mô hình chăm sóc sức khỏe từ xa	Không gián đoạn điều trị do dịch bệnh	202	42,9%
	Tiết kiệm thời gian	149	31,6%
Khó khăn cản trở quá trình tiếp cận chăm sóc sức khỏe từ xa	Đáp ứng được các tình huống khẩn cấp	106	22,6%
	Hạn chế về trang thiết bị, đường truyền, phương pháp tiếp cận	150	31,9%
	Thiếu niềm tin	126	26,7%
	Không nhận được sự ủng hộ từ người xung quanh	86	18,4%

Nội dung được tư vấn nhiều nhất trong mô hình chăm sóc sức khỏe từ xa là xử trí các tình huống cấp cứu (72,5%). Lợi ích rõ rệt nhất mà người bệnh ý thức được là không gián đoạn điều trị do dịch bệnh (42,9%), trong khi đó cản trở lớn nhất đến từ những hạn chế liên quan đến trang thiết bị và đường truyền (31,9%).

Về nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa, 47,7% người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính mong muốn được sử dụng dịch vụ này trong tương lai. Phần lớn đối tượng nghiên cứu thể hiện sự quan tâm trong việc sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa để theo dõi sức

khỏe liên tục tại nhà (51,4%), phát hiện sớm các dấu hiệu nguy hiểm (49,3%) và xử trí các trường hợp khẩn cấp (42,1%). Nhu cầu chăm sóc tinh thần trong thời gian điều trị bệnh và tư vấn chế độ dinh dưỡng, thói quen sinh hoạt cho người bệnh mắc bệnh mạn tính qua dịch vụ khám chữa bệnh từ xa cũng khá cao, lần lượt chiếm 41,9% và 40,1%.

Hơn 82% người bệnh muốn được tư vấn sức khỏe cá nhân qua điện thoại, đồng thời đây cũng là hình thức đang được sử dụng phổ biến nhất (47%).

3. Một số yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa

Bảng 2. Các yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa của người bệnh mắc bệnh mạn tính

Yếu tố	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	OR (95%CI)	p	
Giới tính	Nam	268	57	1	0,926
	Nữ	202	43	1,135 (0,704 - 1,492)	
Tuổi	≥ 60	233	49,6	1	0,628
	< 60	237	50,4	5,170 (0,168 - 9,254)	
Trình độ học vấn	Dưới THPT	325	69,2	1	0,037
	Từ THPT trở lên	145	30,8	1,549 (1,215 - 3,025)	
Bảo hiểm y tế	Không	11	2,3	1	0,091
	Có	459	97,7	0,816 (0,217 - 1,976)	
Thời gian mắc bệnh mạn tính	< 3 năm	152	32,3	1	0,006
	≥ 3 năm	318	67,7	0,309 (1,002 - 3,142)	
Số bệnh mạn tính đang mắc	≥ 2	127	27,1	1	0,723
	1	343	72,9	0,621 (0,003 - 2,758)	
Tạo ra thu nhập	Không	216	45,9	1	0,695
	Có	254	54,1	0,914 (0,251 - 1,692)	
Hiện đang sống một mình	Không	431	91,7	1	0,962
	Có	39	8,3	0,002 (0,001 - 1,514)	
Đã biết về dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa	Không	345	73,4	1	0,019
	Có	125	26,6	2,051 (2,135 - 4,582)	
Đang sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa	Không	443	94,3	1	0,324
	Có	27	5,7	3,851 (0,217 - 3,746)	

Yếu tố	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	OR (95%CI)	p	
Khả năng tiếp cận công nghệ thông tin	Khó khăn	178	37,9	1	< 0,001
	Dễ dàng	292	62,1	2,154 (1,296 - 4,169)	

Một số yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính được ghi nhận là: Trình độ học vấn ($p = 0,037$; OR (95%CI) = 1,549 (1,215 - 3,025)), thời gian mắc bệnh mạn tính ($p = 0,006$; OR (95%CI) = 0,309 (1,002 - 3,142)), đã biết về dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa ($p = 0,019$; OR (95%CI) = 2,051 (2,135 - 4,582)) và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin ($p < 0,001$; OR (95%CI) = 2,154 (1,296 - 4,169)).

IV. BÀN LUẬN

Thực trạng và nhu cầu chăm sóc sức khỏe thông qua dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính

Nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành trên nhóm người bệnh mắc bệnh mạn tính với độ tuổi trung bình là $54,7 \pm 2,64$, trong đó 49,6% là người từ 60 tuổi trở lên. Kết quả tương tự cũng được Liên hợp quốc ghi nhận năm 2019, hơn 46% người cao tuổi trên thế giới mắc các bệnh lý mạn tính và đây là nguyên nhân hàng đầu gây ra gánh nặng bệnh tật và tử vong tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.⁹ Năm 2019 tại Trung Quốc có đến 75,8% người từ 60 tuổi trở lên mắc ít nhất một bệnh lý mạn tính.¹⁰ Có thể thấy rằng, người cao tuổi là đối tượng chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi nhóm bệnh lý mạn tính. Tuy nhiên, đây là đối tượng yếu thế, thường gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ y tế nên để đảm bảo quá trình chăm sóc liên tục, cần đòi hỏi sự vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp, phối hợp của cả gia đình, cơ sở y tế và xã hội. Nhóm bệnh lý mạn tính có tỉ lệ hiện mắc cao nhất trong nghiên

cứu của chúng tôi là tim mạch (75,3%) và đái tháo đường (60,6%). Kết quả này cao hơn số liệu điều tra năm 2021 tại Việt Nam, tỷ lệ mắc tăng huyết áp ở người trưởng thành năm 2021 là 26,2%, tương đương với khoảng 17 triệu người; tỷ lệ mắc bệnh đái tháo đường ở người trưởng thành là 7,06%, tương đương với 4,6 triệu người và nghiên cứu tại Sơn La năm 2019, tỷ lệ mắc tăng huyết áp là hơn 40% và đái tháo đường là trên 6% đối với người từ 40 tuổi trở lên.^{6,11} Mặc dù có sự khác biệt về tỉ lệ do nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành trên nhóm người bệnh đang mắc bệnh mạn tính còn các nghiên cứu trước được tiến hành tại cộng đồng, nhưng các nghiên cứu trên đều có một điểm chung, hai bệnh lý mạn tính phổ biến nhất tại Việt Nam là bệnh lý tim mạch (tăng huyết áp) và đái tháo đường. Đáng chú ý, nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận đến 27,1% người bệnh hiện đang mắc ít nhất hai bệnh lý mạn tính, kết quả này cao hơn tỉ lệ tại Mỹ (25%).¹² Thực tế này đòi hỏi, ngoài việc theo dõi tốt người bệnh theo nhóm bệnh, cần chú ý điều trị cá thể hóa, quan tâm đến sự phối hợp nhiều bệnh lý và tình trạng tổng thể của người bệnh.

26,6% người tham gia đã biết về dịch vụ khám chữa bệnh từ xa và 5,7% hiện đang sử dụng dịch vụ này. Tỉ lệ này thấp hơn kết quả thống kê tại Mỹ năm 2019 khi 70% người dân biết đến ứng dụng y học từ xa, trong đó 8% đã trải nghiệm mô hình này, 70% thường xuyên sử dụng các ứng dụng hoặc thiết bị hỗ trợ theo dõi sức khỏe cá nhân tại nhà và cao hơn ghi nhận năm 2021 về thực trạng chăm sóc sức khỏe tim mạch của người dân miền Trung Việt Nam, 21,6% người dân đã từng tiếp cận với

dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa và 6,3% hiện vẫn đang tiếp tục sử dụng.^{5,13} Đa phần người bệnh tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa thông qua tư vấn trực tiếp từ nhân viên y tế mỗi lần thăm khám (81,2%), kết quả tương tự cũng đã được ghi nhận năm 2020 và 2021 tại Việt Nam.^{5,14} Nhân viên y tế luôn là nguồn cung cấp thông tin được người bệnh tin cậy và ưu tiên. Với đặc điểm yêu cầu quá trình điều trị lâu dài, dùng thuốc liên tục và theo dõi thường xuyên, người bệnh đặt niềm tin rất lớn vào bác sĩ của họ. Để quá trình ứng dụng mô hình chăm sóc sức khỏe từ xa cho người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính được tối ưu hiệu quả, nhân viên y tế là kênh truyền thông đáng được quan tâm, chú trọng.

Một tín hiệu đáng mừng mà nghiên cứu chúng tôi ghi nhận là phần lớn người bệnh đều hiểu những lợi ích của mô hình chăm sóc sức khỏe từ xa, đặc biệt là vai trò duy trì điều trị giai đoạn dịch bệnh (42,9%). Tuy nhiên, vẫn còn một số yếu tố cản trở quá trình tiếp cận dịch vụ của người bệnh, trong đó hạn chế về trang thiết bị, đường truyền, phương pháp tiếp cận là khó khăn lớn nhất (31,9%); tiếp đến là thiếu niềm tin (26,7%). Điều này có thể giải thích do đặc tính nhóm đối tượng nghiên cứu có độ tuổi tương đối cao ($54,7 \pm 2,64$) dẫn đến sự hạn chế về máy móc, trang thiết bị và khả năng tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, tâm lý chung của người mắc bệnh mạn tính là muốn được trực tiếp thăm khám tại cơ sở y tế, nơi có đầy đủ cơ sở vật chất và chưa thực sự tin tưởng vào hình thức tư vấn sức khỏe trực tuyến. Đây là thách thức cho hệ thống y tế, đặc biệt là y tế cơ sở, mô hình khám chữa bệnh từ xa nếu được ứng dụng thành công không những giúp tận dụng tối đa mọi nguồn lực, tiết kiệm tài nguyên (thời gian, tiền bạc, nhân lực), đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng mà còn có thể thay đổi hành vi tiếp cận dịch vụ sức khỏe của người dân theo chiều hướng hiện đại, tích cực hơn.

Về nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa, 47,7% người bệnh mắc các bệnh lý mãn tính mong muốn được sử dụng dịch vụ này. Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu trên người bệnh đái tháo đường năm 2021 tại Đà Nẵng, 27,6% người bệnh có mong muốn sử dụng dịch vụ; nghiên cứu tại miền Trung Việt Nam năm 2021, 41,6% người dân muốn được trải nghiệm mô hình chăm sóc sức khỏe tim mạch từ xa, nghiên cứu tại Anh năm 2017 và thấp hơn khảo sát tại Mỹ (66%).^{5,13,15,16} Chủ đề được quan tâm nhiều nhất là theo dõi sức khỏe liên tục tại nhà (51,4%), phát hiện sớm các dấu hiệu nguy hiểm (49,3%) và xử trí các trường hợp khẩn cấp (42,1%). Điều này hoàn toàn phù hợp với tính chất của nhóm bệnh mạn tính, nếu được hướng dẫn tốt, người bệnh hoàn toàn có thể kiểm soát sức khỏe của bản thân cũng như phát hiện, sơ cấp cứu các trường hợp khẩn cấp trước khi nhập viện.

Hình thức khám chữa bệnh từ xa được người bệnh mong muốn trải nghiệm nhất là tư vấn sức khỏe cá nhân qua điện thoại (82%) và tư vấn sức khỏe cá nhân qua các nền tảng của cơ sở y tế (68%). Hình thức tư vấn sức khỏe qua livestream và truyền hình hiện đã tiếp cận được với 29% người bệnh và có 37% người bệnh bày tỏ nhu cầu tiếp tục sử dụng trong tương lai. Dễ dàng nhận ra rằng, khi sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa, phần lớn người bệnh hi vọng có thể cá thể hóa phương pháp tiếp cận điều trị, được bác sĩ tư vấn và theo dõi trực tiếp, riêng biệt. Tư vấn sức khỏe qua livestream, truyền hình là mô hình được nhiều cơ sở y tế sử dụng hiện nay. Bước đầu hình thức này có thể cung cấp thông tin tốt cho người bệnh nói riêng và cộng đồng nói chung. Tuy nhiên, để duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động khám chữa bệnh từ xa, cần tiếp tục phát triển và xây dựng mô hình này theo hướng chuyên biệt, lấy người bệnh làm trung tâm.

Một số yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính

Trình độ học vấn, thời gian mắc bệnh mạn tính, hiểu biết về dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa và khả năng tiếp cận thông tin là những yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa. Đối tượng có trình độ học vấn từ THPT trở lên có nhu cầu sử dụng dịch vụ cao hơn 1,5 lần nhóm còn lại. Người bệnh mắc bệnh dưới 3 năm mong muốn sử dụng mô hình khám chữa bệnh từ xa cao hơn gấp 3 lần nhóm mắc bệnh hơn 3 năm. Những người đã từng nghe về khám chữa bệnh từ xa hi vọng được trải nghiệm nhiều hơn gấp 2 lần và việc tiếp cận công nghệ thông tin dễ dàng khiến nhu cầu tìm hiểu và sử dụng dịch vụ cao gấp hơn 2 lần. Kết quả tương tự cũng đã ghi nhận trong một số nghiên cứu trước đây tại Huế và Đà Nẵng.^{5,14,15}

Kết quả này có thể được giải thích bởi các đặc tính liên quan đến văn hóa, xã hội. Nhóm người có kiến thức và hiểu biết tốt về vấn đề có xu hướng muốn nâng cao hiệu quả và tìm kiếm giải pháp mới, nhóm người bệnh vừa mắc bệnh có mong muốn tìm mọi phương pháp để điều trị và khi dễ dàng tiếp cận thông tin, con người có cách tư duy linh hoạt, dễ chấp nhận và ứng dụng công nghệ vào cuộc sống hơn.

Việc xác định một số yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng mô hình khám chữa bệnh từ xa sẽ là gợi ý hữu ích cho các nhà quản lý trong việc xây dựng chiến lược can thiệp, truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao vai trò của hình thức chăm sóc sức khỏe tiên tiến này với người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính nói riêng và cộng đồng nói chung.

Hạn chế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang nên chưa thực sự phân tích được nguyên nhân, tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính.

V. KẾT LUẬN

Tỉ lệ người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính tiếp cận và sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa còn thấp nhưng nhu cầu thực tế của họ rất tương đối cao. Hình thức khám chữa bệnh từ xa được nhiều người mong muốn tiếp cận nhất là tư vấn sức khỏe qua điện thoại và nền tảng chính thống của các cơ sở y tế. Nhóm đối tượng có trình độ học vấn tốt, vừa mới mắc bệnh, đã có kiến thức về mô hình chăm sóc sức khỏe từ xa và dễ dàng tiếp cận công nghệ thông tin có nhu cầu sử dụng dịch vụ cao hơn.

KIẾN NGHỊ

Chăm sóc sức khỏe từ xa là mô hình cần được phổ biến rộng hơn, đặc biệt là cho nhóm người bệnh mắc các bệnh lý mạn tính. Cơ sở y tế cần xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe từ xa chuyên nghiệp, thân thiện, đảm bảo chất lượng và đáp ứng đúng nhu cầu của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Stephanie Bernell, Steven W. Howard. Use your words carefully: What is a chronic Disease? *Frontiers in Public Health*. 2016; 4(159).
2. World Health Organization. Noncommunicable diseases: Key facts (2018). 2022. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/noncommunicable-diseases>
3. World Health Organization. Noncommunicable diseases. Accessed 1-6, 2022. <https://www.who.int/ncds/en/>.
4. Bộ Y tế. *Báo cáo về hoạt động quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần*. 2019.
5. Nguyễn Đắc Quỳnh Anh, Nguyễn Minh Tuấn. Đánh giá nhu cầu chăm sóc sức khỏe tim mạch thông qua dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của người dân miền Trung, Việt Nam. *Tạp chí Tim mạch học Việt Nam*. 2021; 98(1): 135-141.
6. Bộ Y tế. Cần quan tâm hơn về hoạt động

quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần tại tuyến y tế cơ sở. Bộ Y tế. 11-07, 2022. Accessed 11-07, 2022. https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo/-/asset_publisher/TW6LTp1ZtwaN/content/can-quan-tam-hon-ve-hoat-ong-quan-ly-benh-khong-lay-nhiem-va-roi-loan-suc-khoe-tam-than-tai-tuyen-y-te-co-so.

7. Aqil Burney, Nadeem Mahmood, Zain Abbas. Information and communication technology in healthcare management systems: Prospects for developing countries. *International Journal of Computer Applications*. 2010; 4(2).

8. Thông tư số 49/2017/TT-BYT Quy định về hoạt động y tế từ xa (2017).

9. United Nations. Disability at a Glance 2019: Investing in Accessibility in Asia and the Pacific. 2019.

10. Wang LM, Chen ZH. Study of the prevalence and disease burden of chronic disease in the elderly in China. *Europe PMC*. 2019; 40(3): 277-283.

11. Sở Khoa học và Công nghệ Sơn La. *Thực trạng một số bệnh không lây nhiễm và*

giải pháp nâng cao năng lực cho y tế có sở trong khám chữa một số bệnh không lây nhiễm tỉnh Sơn La. 2019.

12. Ward BW, Black LI. State and Regional Prevalence of Diagnosed Multiple Chronic Conditions Among Adults Aged ≥ 18 Years - United States. *MMWR - Morbidity and mortality weekly report*. 2016; 65(29): 735-738.

13. Association AW. Telehealth Index: 2019 Consumer Survey. *American health runs American Well*. 2019;

14. Nguyễn Đắc Quỳnh Anh. Thực trạng tìm kiếm thông tin sức khỏe và các yếu tố liên quan của người dân thành phố Huế. *Tạp chí Y học dự phòng*. 2020; 30(1): 16-24.

15. Quách Hữu Trung. Kiến thức và nhu cầu về sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của bệnh nhân đái tháo đường tại thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Nội tiết - Đái tháo đường Việt Nam*. 2021; 46.

16. Lacktman N. Telemedicine and Digital Health Survey. *Foley & Lardner LLP*. 2017; 21(5): 2-16.

Summary

PREVALENCE AND DEMAND OF HEALTH CARE THROUGH TELEMEDICINE SERVICES OF PATIENTS WITH CHRONIC DISEASES IN CENTRAL VIETNAM

While the COVID-19 epidemic continues to hinder people's access to health care system, the burden of disease and death from chronic diseases continues to increase unceasingly. Applying Telemedicine model in healthcare for patients with chronic diseases is an essential condition to ensure the connection between doctors and patients. The purposes of this research are to (1) describe the prevalence and demand of health care through Telemedicine of patients with chronic diseases in central Vietnam, (2) determine factors related to the demand of using Telemedicine. This is a cross-sectional descriptive study, quantitative method on 470 chronic disease patients, being treated at Hue City Health Center and Son Tra District Health Center, Da Nang from 01/2022 to 06/2022. The common chronic diseases were cardiovascular disease (75.3%) and diabetes (60.6%). 26.6% of patients with chronic diseases were aware of telemedicine service and 5.7% are using this service. 47.7% expect to use this service in the future. Patients most wanted to access personal health consultation by phone (82%) with the main purpose of ensuring continuous health monitoring at home (51.4%). Factors associated with the demand for Telemedicine services are: education level, duration of chronic illness, knowledge of Telemedicine and access to information technology ability. Patients still have not been able to access and use Telemedicine services regularly, but the demand is relatively large. The application of Telemedicine services in chronic patient care helps to ensure the continuity of monitoring and treatment of chronic diseases, thereby improving individual patients's health as well as benefiting the community.

Keywords: Demand, Telemedicine, chronic diseases.